

Bản án số: **26/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 07/6/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự

Bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lê Thị P, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** anh Vũ Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị P, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị (Lê Thị P) và anh Vũ Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 02/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống và làm ăn cùng gia đình nhà anh H. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do chị P phát hiện anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị P đã yêu cầu anh H chấm dứt mối quan hệ bất chính đó, nhưng anh H vẫn lén lút quan hệ với người phụ nữ này. Chính vì thế mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã có lần xảy ra xô sát, anh H đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải về nhà bố mẹ để ở, sau đó anh H có sang xin lỗi, chị đã quay về đoàn tụ, nhưng cũng

chỉ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Do không thể tiếp tục chung sống được cùng anh H, nên chị P lại về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 3, xã K để ở và vợ chồng sống ly thân nhau. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H để hai bên còn ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: chị P và anh H có 02 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25/02/2018 và cháu Vũ Cát T, sinh ngày 07/06/2020, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị P. Tại phiên hòa giải chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi cháu là 2.500.000 đồng, cả 02 cháu là 5.000.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên. Tại phiên tòa chị P thay đổi, đề nghị anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi cháu là 1.500.000 đồng, cả 02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên.

- Về tài sản chung và công nợ chung: chị P và anh H tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh H xác nhận phần trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm kết hôn như chị P trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh H cũng xác nhận trước đây anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng sau đó anh đã chấm dứt liên lạc với người này, vợ chồng vẫn sống bình thường. Thời gian gần đây có xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên giải động viên để vợ chồng sống hạnh phúc, bản thân anh cũng nỗ lực để hòa hợp, nhưng không hiểu lý do gì mà tháng 01/2023 chị P đã đưa các con về bên nhà bố mẹ đẻ chị ấy để ở, anh có sang tìm nhưng chị P nhất quyết không về đoàn tụ. Nay chị P xin ly hôn anh, anh mong chị P suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Về việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ đâu thì anh không biết, vì bản thân anh và gia đình đã tìm mọi cách để hàn gắn nhưng không được. Trường hợp chị P vẫn quyết tâm xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị P trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, chị P có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu, anh H đồng ý để chị P nuôi cả 02 cháu, nhưng anh H không cấp dưỡng nuôi con cho chị P.

- Về tài sản và nợ chung: anh H và chị P tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã K, huyện K cung cấp: anh H, chị P đều là người địa P có kết hôn với nhau vào tháng 02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị P sống và làm ăn tại xóm 2, xã K. Sau khi kết

hôn vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây chính quyền địa phương được biết vợ chồng anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác, việc này không chỉ chị P biết mà chính quyền cơ sở cũng biết. Bản thân chị P đã khuyên bảo anh H nhiều lần, nhưng anh H vẫn không thay đổi tính nết. Vì vậy vợ chồng xảy ra xô sát, cãi vã lẫn nhau, chị P đã về nhà bố mẹ để chị ấy ở. Về con chung: vợ chồng anh chị ấy có 02 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh tháng 02/2018 và cháu Vũ Cát T, sinh tháng 06/2020, hiện các cháu đang ở cùng chị P tại xóm 3, xã K từ khi vợ chồng sống ly thân. Về công việc thì cả anh H và chị P đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được. Thu nhập bình quân tại địa phương đối với lao động phổ thông khoảng 06 đến 07 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Lê Thị P ly hôn anh Vũ Văn H. Giao con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25/02/2018 và cháu Vũ Cát T, sinh ngày 07/06/2020 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P theo quy định của pháp luật, anh H có quyền thăm nom con chung. Chị P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 10/5/2023 anh Vũ Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 07/6/2023 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt

không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị P và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2017 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa chị P và anh H chung sống với nhau một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn kinh tế. Mặt khác, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau và có lần xảy ra xô sát, việc ai người ấy làm. Tại phiên hòa giải anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, nhưng bản thân cả hai anh chị đều không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, tại phiên hòa giải lần thứ hai, anh H vắng mặt không có lý do và có ý bỏ mặc. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Vũ Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: chị P, anh H có 02 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25/02/2018 và cháu Vũ Cát T, sinh ngày 07/06/2020. Hiện nay cả 02 cháu đều đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân, khi ly hôn chị P có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Tại phiên hòa giải ngày 09/3/2023, anh H có ý kiến, trường hợp vợ chồng ly hôn nếu chị P có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu thì anh đồng ý để chị P nuôi cả 02 cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của anh H phù hợp với yêu cầu của chị P về nuôi con chung. Như vậy, anh H cũng xác nhận khi ly hôn anh đồng ý để chị P nuôi dưỡng cả 02 cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: giao con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25/02/2018 và cháu Vũ Cát T, sinh ngày 07/06/2020 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tại đơn khởi kiện chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, tại phiên hòa giải chị P đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 cháu và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng, cả 02 cháu là 5.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa chị P yêu cầu Tòa án buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly

hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị P theo đề nghị của chị P. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, như vậy để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung khi cha mẹ ly hôn cần chấp nhận đề nghị của chị P, buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cả 02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị P, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P, nên anh H phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Vũ Văn H.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 25/02/2018 và cháu Vũ Cát T, sinh ngày 07/06/2020 cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng, cả 02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi

hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: chị Lê Thị P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004788 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị P đã nộp đủ. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng